

THE RELATIONSHIP BETWEEN THE PARENT'S PHYSICAL PUNISHMENT AND AGGRESSIVE BEHAVIOR IN ADOLESCENTS: THE MEDIATING ROLE OF INSECURE ATTACHMENT

Tran Thi Cam Tu* and Vu Ba Tuan
*Department of Psychology and Education,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Trần Thị Cẩm Tú,
email: tuttc@hnue.edu.vn

Received February 11, 2024.

Revised March 12, 2024.

Accepted April 2, 2024.

Abstract. This study examines the relationship between prior parental physical punishment and future aggressive behavior in children, as well as the mediating role of anxious and avoidant attachment in the relationships. Using an 8-month longitudinal study design, data were collected at 3 waves, with a 4-month interval across waves. 762 students participated at Wave 1 ($M_{age} = 12.1$ ($SD = 1.14$), 48% female). The number decreased to 484 at Wave 2 and 368 at Wave 3. The Harsh Punishment was used to measure physical punishment at Wave 1, the Experiences of Close Relationship (short version) was used to measure avoidant and anxious attachment at Wave 2, and the Aggression Scale was used to measure aggressive behavior at Wave 3. Results showed that parents' physical punishment behavior significantly predicted the development of future aggressive behavior, and that anxious attachment played a mediation role in the relationship. These findings suggest the urgent need for developing measures to treat physical punishment and parent-child attachment as a solution to effectively address the prevalence of school violence in Vietnam.

Keywords: aggressive behavior, physical punishment, anxious attachment, avoidant attachment, mediation model analyses.

MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI TRỪNG PHẠT THỂ CHẤT CỦA CHA MẸ VÀ HÀNH VI GÂY HẤN CỦA VỊ THÀNH NIÊN: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA SỰ GẮN BÓ KHÔNG AN TOÀN

Trần Thị Cẩm Tú* và Vũ Bá Tuấn
*Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Trần Thị Cẩm Tú,
email: tuttc@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/2/2024.

Ngày sửa bài: 12/3/2024.

Ngày nhận đăng: 2/4/2024.

Tóm tắt. Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ đến sự phát triển hành vi gây hấn trong tương lai của con cái, cũng như vai trò trung gian của sự gắn bó lo âu và gắn bó tránh né trong mối quan hệ này. Dữ liệu được thu thập thông qua các bảng hỏi tự điền tại ba thời điểm liên tiếp nhau, với khoảng cách 4 tháng giữa hai thời điểm liên tiếp. Có 762 học sinh tham gia khảo sát ở lần 1 ($M_{tuổi} = 12.1$ ($SD = 1.14$), 48% nữ). Con số này giảm xuống còn 484 ở lần 2 và 368 ở lần 3. Thang đo về Hành vi làm cha mẹ (trừng phạt thể chất) được sử dụng ở lần 1, thang đo Sự trải nghiệm các mối quan hệ gần gũi được sử dụng để đo sự gắn bó tránh né và lo âu ở lần 2 và và thang đo Sự gây hấn được sử dụng để đánh giá hành vi gây hấn ở lần 3. Kết quả cho thấy hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ dự báo ý nghĩa sự phát triển của hành vi gây hấn trong tương lai, và sự gắn bó lo âu đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ này. Phát hiện này gợi ý sự cần thiết của các biện pháp can thiệp nhằm nâng cao chất lượng của hành vi làm cha mẹ và sự gắn bó giữa cha mẹ và con cái như một giải pháp hiệu quả cho vấn nạn bạo lực học đường ở Việt Nam.

Từ khóa: hành vi gây hấn, hành vi trừng phạt thể chất, sự gắn bó lo âu, sự gắn bó tránh né, mô hình phân tích trung gian.

1. Mở đầu

Hành vi gây hấn là những hành động có mục đích nhằm gây tổn thương thể chất hoặc tâm lý cho nạn nhân [1]. Hai dạng hành vi gây hấn cơ bản có thể kể đến hành vi mang tính gây hấn thể chất (ví dụ như đấm đá...) và hành vi mang tính gây hấn tâm lý/xã hội (ví dụ như nói xấu sau lưng, chia rẽ nạn nhân khỏi nhóm bạn...) [2]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào dạng hành vi gây hấn thể chất.

Hành vi làm cha mẹ phản ánh những cách thức mà cha mẹ tương tác với con cái nhằm đạt được mục tiêu giáo dục. Hành vi làm cha mẹ là một khái niệm đa cấu trúc, có thể bao gồm các thành phần như sự ủng hộ, hỗ trợ của cha mẹ (parental supports hay positive parenting), sự kiểm soát hành vi (behavioral control) và sự kiểm soát tâm lý (psychological control) [3]. Hành vi trừng phạt thể chất thuộc một dạng của hành vi giáo dục mang tính kiểm soát hành vi, trong đó cha mẹ thực hiện việc trừng phạt thể chất để tương tác với con cái với mục đích nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của con cái theo cách cưỡng bức [4], [5].

Lí thuyết gắn bó của Bowlby (1969) nhấn mạnh rằng phong cách gắn bó biểu thị sự kết nối cảm xúc giữa cha mẹ và con cái [6]. Cassidy (2016) cho rằng phong cách gắn bó không an toàn (insecure attachment) với cha mẹ bao gồm gắn bó tránh né (avoidant attachment) và gắn bó lo âu (anxious attachment) [7]. Gắn bó tránh né thường xuất phát từ sự thất vọng của con cái về sự hỗ trợ của cha mẹ, dẫn đến việc tránh xa sự hỗ trợ để tránh cảm giác thất vọng. Trong khi đó, gắn bó lo âu thường đi kèm với lo lắng về sự hỗ trợ của cha mẹ, lo sợ bị bỏ rơi hoặc không được hỗ trợ khi cần thiết [6;7].

Nghiên cứu của Bosman và đồng nghiệp (2006) [8] chỉ ra rằng hành vi giáo dục của cha mẹ nói chung và phong cách gắn bó không an toàn là nguyên nhân của hành vi gây hấn của con cái. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn (2019) [9] gợi ý yếu tố gắn bó gia đình có ảnh hưởng lớn đến hành vi gây hấn của học sinh, ví dụ như khi cha mẹ không gắn kết với con cái thì trẻ dễ phát triển các cảm xúc tiêu cực từ đó khởi phát hành vi gây hấn. Nghiên cứu của Durrant & Ensom, (2012) và Gosmez-Ortiz và đồng nghiệp (2016) [10;11] về việc cha mẹ áp dụng hình phạt thể chất có thể dạy con cái về mô hình hành vi tương tự. Các nghiên cứu khác cũng cho thấy, có những cha mẹ vẫn coi hành vi trừng phạt thể chất là phù hợp để giáo dục con cái [12;13]. Nghiên cứu của Lansford và đồng nghiệp (2005) [14] chứng minh rằng tác động của hình phạt thể chất từ cha mẹ đến hành vi gây hấn của con cái thường không đơn giản mà có thể thay đổi khi có sự tham gia của yếu tố thứ ba. Kết quả nghiên cứu của Vũ và đồng nghiệp (2022) [15] chỉ ra rằng cha có mối quan hệ ít an toàn hơn so với mẹ và phong cách gắn bó không an toàn của cha có thể là yếu tố trung gian giải thích cho mối quan hệ hành vi trừng phạt thể chất của cha và hành vi gây hấn của con cái.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ và hành vi gây hấn của trẻ, cũng như vai trò trung gian của sự gắn bó không an toàn trong điều chỉnh mối quan hệ này đã được đề cập ở các nghiên cứu trước đây. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chỉ dừng ở các thiết kế bổ ngang, xét ở cả bình diện các nghiên cứu quốc tế. Vì vậy, việc thực hiện thiết kế nghiên cứu dài hạn có ý nghĩa cấp thiết, góp phần làm sáng tỏ hơn mối quan hệ mang tính nhân quả giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ và hành vi gây hấn của con cái, cũng như vai trò trung gian của sự gắn bó không an toàn trong mối quan hệ này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết khoa học

Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng trực tiếp của hành vi trừng phạt thể chất đến hành vi gây hấn ở con cái, và cũng quan tâm đến ảnh hưởng gián tiếp thông qua vai trò của phong cách gắn bó không an toàn. Hành vi trừng phạt thể chất của cả cha và mẹ sẽ được xem xét trong các

mô hình phân tích trung gian riêng biệt. Cụ thể là, vai trò trung gian của các loại phong cách gắn bó không an toàn, bao gồm gắn bó tránh né và gắn bó lo âu, sẽ được khảo sát đối với cả cha và mẹ học sinh. Điều này sẽ giúp chúng tôi kiểm định các giả thuyết nghiên cứu sau

H1. Hành vi trừng phạt thể chất của cha dự báo ý nghĩa hành vi gây hấn của con cái;

H2. Phong cách gắn bó tránh né đóng vai trò trung gian cho mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha và hành vi gây hấn của con cái;

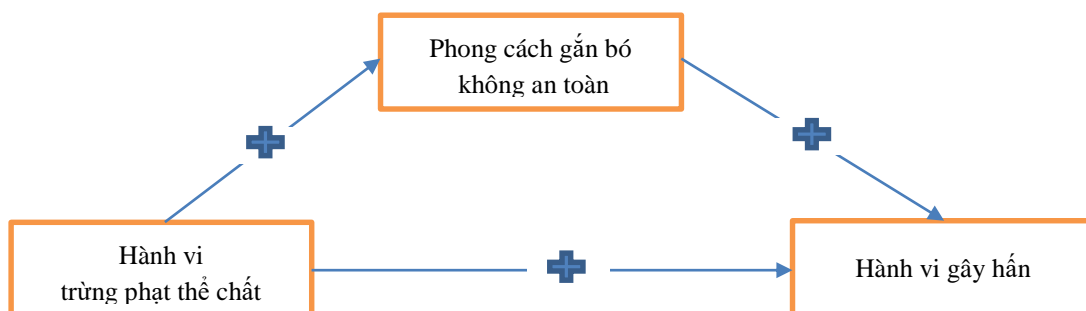
H3. Phong cách gắn bó lo âu đóng vai trò trung gian cho mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha và hành vi gây hấn của con cái;

H4. Hành vi trừng phạt thể chất của mẹ dự báo ý nghĩa hành vi gây hấn của con cái;

H5. Phong cách gắn bó tránh né đóng vai trò trung gian cho mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của mẹ và hành vi gây hấn của con cái;

H6. Phong cách gắn bó lo âu đóng vai trò trung gian cho mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của mẹ và hành vi gây hấn của con cái;

Biểu đồ 1 dưới đây giúp làm sáng tỏ hơn các giả thuyết nghiên cứu:



Biểu đồ 1. Khung lý thuyết về mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất và hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của phong cách gắn bó không an toàn

2.1.2. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 762 học sinh trung học cơ sở tham gia khảo sát ở thành phố Hải Phòng, tỉnh Hải Dương. Mẫu được lựa chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Người tham gia nghiên cứu thực hiện 3 cuộc khảo sát tại 3 thời điểm trong đó khoảng cách giữa hai thời điểm tiếp nối nhau là 4 tháng. Tại lần khảo sát thứ nhất, có 762 học sinh trong nhà trường trung học cơ sở tham gia trả lời câu hỏi, với độ tuổi trung bình $M_{tuổi} = 12,1$ ($SD = 1,14$), trong đó học sinh nữ chiếm 48%. Học sinh được hỏi phân bố nhiều nhất ở lớp 7 chiếm 31%, sau đó là lớp 6 chiếm 27,7%, lớp 8 chiếm 23,1% và cuối cùng là lớp 9 chiếm 18,2% trong tổng số học sinh tham gia khảo sát. Tại lần 2 và lần 3, Số học sinh tương ứng giảm xuống còn 484 và 368. Điều này là do một số học sinh tham gia khảo sát lần một đã không tham gia khảo sát lần 2, hoặc tham gia lần 1, lần 2 nhưng lại không tham gia khảo sát lần 3.

2.1.3. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Để thu thập dữ liệu về thực tiễn mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất và sự gây hấn của học sinh THCS: vai trò trung gian của sự gắn bó không an toàn, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra kết hợp sử dụng 3 thang đo:

+ *Hành vi gây hấn*: Hành vi gây hấn được đo bằng Thang đo Hành vi gây hấn (AS-Aggression Scale, Orpinas và Frankowski, 2001) [16]. Thang đo Sự gây hấn đã được thích ứng ở học sinh lứa tuổi vị thành niên ở Việt Nam bởi Vũ và đồng nghiệp (2019) [17]. Thang đo này đo lường các hành vi gây hấn thể chất và gây hấn lời nói ở tuổi vị thành niên, gồm 11 câu hỏi với các phương án trả lời từ 0 (không bao giờ) đến 6 (6 lần một tuần hoặc hơn). Ví dụ, một câu hỏi là

“*Tôi đã dọa đánh ai đó*”. Thang đo này được đo hai lần, ở lần 1 và lần 3, với chỉ số Cronbach Alpha phù hợp cho phân tích ($\alpha_{lần 1} = 0,85$, $\alpha_{lần 2} = 0,91$).

+ *Hành vi trừng phạt thể chất*: Hành vi trừng phạt thể chất được đo bằng tiểu thang đo Trừng phạt hà khắc (Harsh Punishment) của thang đo Hành vi làm cha mẹ (PBS-S - Parental Behavior Scale _short form, Van Heel và cộng sự, 2019) đánh giá 5 khía cạnh của hành vi giáo dục của cha mẹ [5]. PBS-S đã được thích ứng ở một mẫu dân số vị thành niên Việt Nam [5]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng tiểu thang đo Trừng phạt hà khắc bao gồm 5 mục hỏi, ví dụ như “*Tôi tát con khi nó làm sai trái*”. Mỗi mục hỏi của tiểu thang đo này có các câu trả lời được phân loại từ 1 (Hầu như không bao giờ) đến 5 (Hầu như rất thường xuyên).

Chúng tôi đã điều chỉnh từ ngữ trong thang đo này để phản ánh ngữ cảnh của việc học sinh. Ví dụ, khi nói về hành vi của cha, chúng tôi đã sử dụng: “*Cha của tôi tát tôi khi tôi làm điều gì đó sai trái*”. Tương tự, với câu hỏi về hành vi của mẹ, chúng tôi sử dụng: “*Mẹ của tôi tát tôi khi tôi làm điều gì đó sai trái*”. Cả hai tiểu thang đo này được sử dụng trong lần khảo sát đầu tiên. Giá trị Cronbach alpha gợi ý sự phù hợp của việc sử dụng kết quả đo đạc của thang đo phiên bản cha ($\alpha = 0,83$) và phiên bản mẹ ($\alpha = 0,86$) cho phân tích.

Phong cách gắn bó không an toàn: Phiên bản rút gọn tiếng Việt của Thang đo Sự trải nghiệm các mối quan hệ cảm xúc gần gũi phiên bản trẻ em và vị thành niên (the Experiences in Close Relationships-Revised Child version, Brenning và đồng nghiệp, 2014) [18]. Thang đo này được sử dụng để đánh giá phong cách gắn bó không an toàn. Cả hai tiểu thang đo này đã được thích nghi cho học sinh lứa tuổi vị thành niên Việt Nam [15]. Tiểu thang đo Sự gắn bó lo âu bao gồm 6 mục hỏi, ví dụ như “*Tôi lo lắng rằng cha/mẹ tôi không thực sự yêu thương tôi,*” trong khi tiểu thang đo Sự gắn bó tránh né gồm 6 mục hỏi, ví dụ như “*Tôi không thích nói với cha/mẹ tôi cảm giác thật sự của tôi.*” Mỗi mục hỏi có các phương án trả lời từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý). Chúng tôi đã sử dụng thang đo này trong lần hỏi thứ hai của nghiên cứu. Kết quả phân tích Cronbach Alpha gợi ý sự phù hợp của việc sử dụng kết quả đo đạc của các tiểu thang đo sự gắn bó không an toàn phiên bản cha và phiên bản mẹ. Cụ thể, với phiên bản cha, tiểu thang đo Sự Gắn bó tránh né có giá trị $\alpha = 0,93$ còn tiểu thang đo Sự Gắn bó lo âu có giá trị $\alpha = 0,78$. Với phiên bản mẹ, tiểu thang đo Gắn bó lo âu có giá trị $\alpha = 0,94$ và tiểu thang đo Gắn bó tránh né có giá trị $\alpha = 0,81$.

2.1.4. Quy trình nghiên cứu

Vì nghiên cứu được thực hiện ở nhóm dân số vị thành niên nên sau khi được sự đồng ý của Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh, học sinh cũng như thống nhất về nguyên tắc nhóm nghiên cứu là tự nguyện, nguyên tắc khuyết danh, bảo mật thông tin của người tham gia và học sinh có thể tham gia và rút khỏi cuộc nghiên cứu của học sinh vào bất kỳ thời điểm nào khi thấy tâm lý không thoải mái, chúng tôi đã gửi trực tiếp hướng dẫn học sinh trả lời phiếu tại trường học.

Tất cả các thang đo trong nghiên cứu này đều là những thang đo đã được thích nghi ở nhóm dân số vị thành niên Việt Nam. Các thang đo này được sử dụng sau khi có sự cho phép của những tác giả thích nghi các thang đo đó.

2.1.5. Kế hoạch phân tích dữ liệu

Các mô hình phân tích trung gian đơn được sử dụng để khám phá mối quan hệ giữa thực hành giáo dục tiêu cực của cha mẹ, phong cách gắn bó (lo âu và tránh né) và hành vi gây hấn của học sinh. Với việc đánh giá cả phiên bản cha và mẹ, tổng cộng sẽ có 4 mô hình phân tích trung gian đơn sẽ được xem xét. Có thể xem thêm khung lý thuyết ở biểu đồ 1 để có thêm chi tiết về các mô hình phân tích trung gian (Mô hình 1, Mô hình 2, Mô hình 3, Mô hình 4) cụ thể như sau:

Với các mô hình phân tích trung gian đơn phiên bản dành cho cha:

Mô hình phân tích trung gian với biến số trung gian là Sự gắn bó lo âu với cha (Mô hình 1)

Trong mô hình phân tích trung gian này, hành vi trừng phạt thể chất của cha được đưa thành biến số chỉ báo (X1), phong cách gắn bó lo âu (M1) và hành vi gây hấn của học sinh được đưa thành biến phụ thuộc (Y1) (sau đây gọi là Mô hình 1).

Mô hình phân tích trung gian với biến số trung gian là Sự gắn bó tránh né với cha (Mô hình 2)

Hành vi trừng phạt thể chất của cha được đưa thành biến chỉ báo (X1), phong cách gắn bó tránh né (M2) và hành vi gây hấn của học sinh được đưa thành biến phụ thuộc (Y1) (sau đây gọi là Mô hình 2).

Với mô hình phân tích trung gian đơn phiên bản dành cho mẹ:

Mô hình phân tích trung gian với biến số trung gian là Sự gắn bó lo âu với mẹ (Mô hình 3)

Trong mô hình phân tích trung gian này, hành vi trừng phạt thể chất của mẹ được đưa thành biến số chỉ báo (X2), phong cách gắn bó lo âu với mẹ (M3) và hành vi gây hấn của học sinh được đưa thành biến phụ thuộc (Y1) (sau đây gọi là Mô hình 3).

Mô hình phân tích trung gian với biến số trung gian là Sự gắn bó tránh né với mẹ (Mô hình 4)

Hành vi trừng phạt thể chất của mẹ được đưa thành biến chỉ báo (X2), phong cách gắn bó tránh né với mẹ (M4) và hành vi gây hấn của học sinh được đưa thành biến phụ thuộc (Y1) (sau đây gọi là Mô hình 4).

Các biến kiểm soát bao gồm giới tính, lứa tuổi và điểm hành vi gây hấn (được lấy ở lần đo đầu tiên). Chúng tôi sẽ thực hiện Bootstrapping với 5000 lần lặp để tìm khoảng tin cậy 95% cho các hiệu ứng gián tiếp. Chúng tôi sử dụng gói phân tích *process* trong R [19] để thực hiện phân tích mô hình trung gian. Các phân tích thống kê mô tả và phân tích tương quan sẽ được tiến hành cho các biến số chính như Hành vi gây hấn, Hành vi trừng phạt thể chất (cả cha và mẹ), Sự gắn bó Lo âu và Sự gắn bó tránh né (cả cha và mẹ). Các biến số này sẽ được tính điểm tổng từ các mục hỏi tương ứng. Tất cả các phân tích này sẽ được thực hiện trong môi trường RStudio.

2.2. Kết quả phân tích

2.2.1. Kết quả các phân tích ban đầu

Bảng 1. Kết quả phân tích thống kê mô tả và phân tích tương quan cho các biến số nghiên cứu

	N	M (SD)	Min-Max (Range)	Skew	Kurtosis	1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
1. AG_T1	762	6.40 (8.80)	0-66 (66)	2.69	9.78	-	.31***	.35***	.38***	.21***	.26***	.12*	.12*
2. AG3_T3	368	6.02 (10.08)	0-66 (66)	3.04	11.35		-	.27***	.34***	.32***	.29***	.16*	.14*
3. PUN1_F_T2	762	6.69 (2.94)	5-25 (20)	3.07	11.86			-	.65***	.32***	.30***	.16***	.15*
4. PUN1_M_T2	762	6.87 (3.36)	5-25 (20)	2.76	8.40				-	.34***	.37***	.21	.22***
5. ATAX_F_T2	484	9.10 (7.0)	6-42 (36)	2.85	8.05					-	.79***	.58***	.45***
6. ATAX_M_T2	484	9.36 (7.39)	6-42 (36)	2.73	7.10						-	.48***	.52***
7. ATAV_F_T2	484	13.07 (8.38)	6-42 (36)	1.01	0.18							-	.80***
8. ATAV_M_T2	484	14.01 (8.91)	6-42 (36)	0.75	-0.47								-

Chú thích: AG_T1: Hành vi gây hấn (đo tại lần 1); AG_T3: Hành vi gây hấn (đo tại lần 3);

PUN1_F_T2: hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha; hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha; PUN1_M_T2: hành vi trừng phạt thể chất phiên bản mẹ; ATAX_F_T2: sự gắn bó lo âu phiên bản cha (đo tại lần 2); ATAX_M_T2: sự gắn bó lo âu phiên bản mẹ (đo tại lần 2); ATAV_F_T2: sự gắn bó tránh né phiên bản cha (đo tại lần 2); ATAV_M_T2: sự gắn bó tránh né phiên bản mẹ (đo tại lần 2);

Mean (SD): Điểm trung bình và độ lệch chuẩn; Min-Max (Range): Giá trị nhỏ nhất-Giá trị lớn nhất (Khoảng); edian: Điểm trung vị; Skew: độ lệch; Kurtosis: độ nhọn

* $p < .05$. *** $p < .001$.

Các thống kê mô tả thể hiện ở Bảng 1. Kết quả phân tích cho thấy các biến số nghiên cứu đều có phân phối không chuẩn. Bên cạnh đó, phân tích tương quan cho các biến số nghiên cứu chính cho thấy các điểm số của thang đo hành vi gây hấn đều có quan hệ chặt ($p < .001$) với hành vi trừng phạt thể chất của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, các điểm số hành vi gây hấn này lại có quan hệ kém chặt hơn (nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê) với điểm số của các thang đo tránh né phiên bản cha và phiên bản mẹ. Kết quả phân tích mô tả và phân tích tương quan cho thấy không có sự bất thường về dữ liệu. Vì vậy, chúng tôi thực hiện các phân tích trung gian tiếp theo.

2.2.2. Kết quả các phân tích trung gian

Phiên bản cha

Kết quả phân tích cho Mô hình 1_Vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu

Đường liên kết trực tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản cha cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha chỉ báo có ý nghĩa thống kê trực tiếp sự thay đổi của hành vi gây hấn ($\beta = .16, p < .05, 95\% \text{ CI } [0.10, 0.93]$)

Đường liên kết gián tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu với cha

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản cha cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha đã chỉ báo ý nghĩa sự gắn bó lo âu ($\beta = .25, p < .001, 95\% \text{ CI } [0.27; 0.83]$). Sự gắn bó lo âu này đến lượt nó chỉ báo ý nghĩa hành vi gây hấn ($\beta = .20, p < .001, 95\% \text{ CI } [0.11; 0.46]$). Theo đó, hành vi trừng phạt thể chất đã tác động gián tiếp ý nghĩa tới sự thay đổi của hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu với cha ($\beta = .05, 95\% \text{ CI } [0.002; 0.14]$). (Xem thêm Bảng 2, Mô hình 1)

Kết quả phân tích cho Mô hình 2_Vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né

Đường liên kết trực tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản cha cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha chỉ báo có ý nghĩa thống kê trực tiếp sự thay đổi của hành vi gây hấn ($\beta = .19, p < .01, 95\% \text{ CI } [0.19, 1.02]$).

Đường liên kết gián tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né với cha

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản cha cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản cha chỉ báo ý nghĩa Sự gắn bó tránh né ($\beta = .21, p < .01, 95\% \text{ CI } [0.22; 0.95]$). Đến lượt nó sự gắn bó tránh né này dự báo hành vi gây hấn ở mức độ ý nghĩa thống kê ranh giới ($\beta = .11, p = .08, 95\% \text{ CI } [-0.01; 0.26]$). Mặc dù vậy, hành vi trừng phạt thể chất không chỉ báo gián tiếp ý nghĩa (không có ý nghĩa thống kê) tới sự thay đổi của hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né với cha ($\beta = .02, p = .06, 95\% \text{ CI } [-0.005; 0.06]$). (Xem thêm Bảng 2, Mô hình 2)

Phiên bản mẹ

Kết quả phân tích cho Mô hình 3_Vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu

Đường liên kết trực tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản mẹ cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản mẹ chỉ báo có ý nghĩa thống kê sự thay đổi của hành vi gây hấn ($\beta = .16, p < .001, 95\% \text{ CI } [0.09, 0.84]$).

Đường liên kết gián tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu với mẹ

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản mẹ cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản mẹ chỉ báo một cách có ý nghĩa sự gắn bó lo âu ($\beta = .35, p < .001, 95\%$

CI [0.5; 1.06]). Đến lượt nó, sự gắn bó lo âu này lại dự báo hành vi gây hấn ở mức độ ý nghĩa thống kê ranh giới ($\beta = .13, p = .06, 95\% \text{ CI } [-0.003; 0.32]$). Tuy vậy, hành vi trừng phạt thể xác không chỉ báo gián tiếp (không có ý nghĩa thống kê) tới sự thay đổi của hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó lo âu với mẹ ($\beta = .04, 95\% \text{ CI } [-0.01; 0.13]$). (Xem thêm Bảng 2 Mô hình 3).

Kết quả phân tích cho Mô hình 4_Vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né

Đường liên kết trực tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản mẹ cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản mẹ chỉ báo có ý nghĩa thống kê sự thay đổi của hành vi gây hấn ($\beta = .20, p < .01, 95\% \text{ CI } [0.18, 0.92]$).

Đường liên kết gián tiếp từ hành vi trừng phạt thể chất tới hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né với mẹ

Kết quả phân tích cho mô hình phân tích trung gian phiên bản mẹ cho thấy hành vi trừng phạt thể chất phiên bản mẹ chỉ báo ý nghĩa thống kê sự gắn bó tránh né ($\beta = .31, p < .001, 95\% \text{ CI } [0.48; 1.15]$). Nhưng sự gắn bó tránh né lại không chỉ báo ý nghĩa hành vi gây hấn ($\beta = .04, 95\% \text{ CI } [-0.96; 1.42]$). Theo đó, hành vi trừng phạt thể chất không chỉ báo gián tiếp (không có ý nghĩa thống kê) tới sự thay đổi của hành vi gây hấn thông qua vai trò trung gian của Sự gắn bó tránh né với mẹ ($\beta = .01, p = ns, 95\% \text{ CI } [-0.02; 0.06]$). (Xem Bảng 2, Mô hình 4).

Bảng 2. Kết quả phân tích các mô hình phân tích trung gian

	a	b	a * b	c'
Mô hình 1	.25***, 95% CI [0.27; 0.83]	.20***, 95% CI [0.11; 0.46]	.05, 95% CI [0.002; 0.14]	.16*** 95% CI [0.10; 0.93]
Mô hình 2	.21**, 95% CI [0.22; 0.95]	.11+, 95% CI [-0.01; 0.26]	.02, 95% CI [-0.01; 0.06]	.19**, 95% CI [0.19; 1.02]
Mô hình 3	.35***, 95% CI [0.5; 1.06]	.13**, 95% CI [-0.003; 0.32]	.04, 95% CI [-0.01; 0.13]	.16*, 95% CI [0.09; 0.83]
Mô hình 4	.31***, 95% CI [0.48; 1.15]	.04, 95% CI [-0.96; 1.42]	.01, 95% CI [-0.02; 0.06]	.20**, 95% CI [0.18; 0.92]

Chú thích. a: đường liên kết từ Hành vi trừng phạt thể chất (phiên bản cha hoặc mẹ) đến Sự gắn bó (lo âu hoặc tránh né); b: đường liên kết từ Sự gắn bó (lo âu hoặc tránh né) đến Hành vi gây hấn; a * b: đường liên kết gián tiếp từ Hành vi trừng phạt thể chất (phiên bản cha hoặc mẹ) Hành vi gây hấn thông qua Sự gắn bó (lo âu hoặc tránh né); c': đường liên kết trực tiếp từ Hành vi trừng phạt thể chất (phiên bản cha hoặc mẹ) đến Hành vi gây hấn; 95% CI: khoảng tin cậy 95%.
⁺p = .08, ⁺⁺p = .06, *p < .05, **p < .01, ***p < .001.

2.3. Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá mối quan hệ của hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ đối với hành vi gây hấn của con cái, và đồng thời, phân tích vai trò của sự gắn bó không an toàn trong mối quan hệ này. Cụ thể là, nghiên cứu này xem xét xem hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ (đo tại lần 1) có ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của con cái tại 8 tháng sau đó (đo tại lần 3) như thế nào. Kết quả dự kiến sẽ cung cấp thông tin mới về một cơ chế giải thích sự phát triển của hành vi gây hấn mẫu nghiên cứu, từ đó giúp gợi ý về cơ chế phát triển của hành vi gây hấn ở vị thành niên Việt Nam. Kết quả phân tích mô hình trung gian (cả phiên bản cha và mẹ) cho thấy hành vi trừng phạt thể chất là yếu tố nguy cơ của hành vi gây hấn ở con cái. Đặc biệt, hiệu ứng này được xác định có tính đơn nhất, sau khi đã kiểm soát các biến số như giới tính, lứa tuổi và hành vi gây hấn ở thời điểm đầu (lần đo thứ 1). Điều này đảm bảo rằng sự thay đổi trong hành vi gây hấn không bị nhiễu bởi các yếu tố này. Ngoài ra, mô hình cũng kiểm soát ảnh hưởng của các biến số khác (ví dụ: sự gắn bó không an toàn), nhằm đảm bảo tính độc lập của mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ và hành vi gây hấn của con cái.

Phát hiện về tác động trực tiếp của hành vi trừng phạt thể chất đến hành vi gây hấn tương đồng với các kết quả nghiên cứu quốc tế, nhấn mạnh về ảnh hưởng tiêu cực của hành vi này đến

sự phát triển của con cái đã được Pinquart (2017), Pinquart (2021) công bố [20;21]. Trong bối cảnh văn hoá Việt Nam, mối quan hệ dài hạn giữa hành vi trừng phạt thể chất và hành vi gây hấn cũng được xác nhận, nhấn mạnh về mối liên kết giữa hai yếu tố này trong các nghiên cứu cắt ngang trước đó [5]. Phát hiện này cảnh báo về việc lạm dụng hành vi trừng phạt thể chất trong việc giáo dục con cái [12; 13], điều mà nhiều cha mẹ thường áp dụng dù lập luận rằng đó là cách giúp con trở nên tốt hơn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc này có thể gây tổn thương cho sự phát triển của con cái.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, hành vi trừng phạt thể chất có thể làm suy giảm sự gắn kết giữa cha và con, từ đó khiến con cái có xu hướng thực hiện hành vi gây hấn. Kết quả phân tích trung gian cho thấy hành vi trừng phạt của cha ảnh hưởng mạnh hơn đến hành vi gây hấn của con so với của mẹ. Điều này mở ra cái nhìn mới về vai trò của mỗi quan hệ cha mẹ trong việc hình thành hành vi xã hội của con. Trước đây, sự gắn bó với mẹ thường được tập trung nghiên cứu, nhưng vai trò của sự gắn bó với cha chưa được đánh giá đầy đủ [22]. Nghiên cứu này cũng cung cấp bằng chứng thêm cho ý kiến của Lansford và đồng nghiệp (2005) [14] về tác động của yếu tố thứ ba, trong trường hợp này là sự gắn bó không an toàn, đến mối quan hệ giữa cha mẹ và hành vi của con cái.

Kết quả phân tích cho thấy, mối quan hệ gắn bó không an toàn lại ít có ý nghĩa dự báo mỗi quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của mẹ và hành vi gây hấn của con cái hơn so với của cha. Người mẹ được báo cáo là ít có xu hướng sử dụng hành vi trừng phạt thể chất hơn, và đồng thời cũng có sự gắn bó an toàn hơn với con cái so với người cha [23;12]. Do đó, người mẹ có xu hướng gần gũi hơn với con cái so với người cha [15]. Sự gần gũi này giúp người mẹ kịp thời có những hỗ trợ cần thiết với con cái khi họ gặp các tình huống khó khăn. Lợi thế này giúp con cái dễ phát triển các chiến lược điều chỉnh cảm xúc phù hợp, và do đó ít có xu hướng lựa chọn hành vi gây hấn như là giải pháp duy nhất đúng để giải quyết các tình huống xung đột liên cá nhân.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã được thực hiện dựa trên thiết kế nghiên cứu dài hạn, cho phép khẳng định tính vững chắc và đáng tin cậy của phát hiện về ảnh hưởng dài hạn của hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ đến sự phát triển hành vi gây hấn của con cái. Tuy nhiên, một số hạn chế của nghiên cứu cần được chỉ ra nhằm góp phần gợi ý các hướng nghiên cứu trong tương lai. Thứ nhất, kết quả phân tích của nghiên cứu chủ yếu dựa trên báo cáo tự điền từ học sinh. Do đó, trong tương lai, chúng tôi sẽ mở rộng việc thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như bạn bè, cha mẹ và giáo viên của học sinh để củng cố tính vững chắc của các kết quả nghiên cứu.

Một hạn chế khác của nghiên cứu là thiếu dữ liệu về chiến lược điều chỉnh cảm xúc, là yếu tố quan trọng giải thích mối liên hệ giữa sự gắn bó không an toàn và hành vi gây hấn. Đề xuất phát triển một thang đo chuẩn hoá để đánh giá chiến lược điều chỉnh cảm xúc tại Việt Nam, từ đó cung cấp bằng chứng thêm cho sự giải thích này. Những nghiên cứu sau này có thể làm điều này để hiểu rõ hơn vai trò của chiến lược điều chỉnh cảm xúc trong mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất và hành vi gây hấn. Các phát hiện từ những nghiên cứu như vậy sẽ mang lại thông tin quan trọng về chiến lược điều chỉnh cảm xúc trong mối quan hệ giữa cha mẹ và hành vi của thanh thiếu niên ở Việt Nam.

Nghiên cứu này mở ra một cái nhìn mới về cơ chế mối quan hệ giữa hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ và sự gắn bó trong dự báo hành vi gây hấn ở con cái. Kết quả chỉ ra ảnh hưởng lâu dài của hành vi trừng phạt thể chất của cả cha và mẹ đối với hành vi gây hấn của con cái trong tương lai. Sự gắn bó không an toàn được xác định là yếu tố quan trọng trong mối quan hệ này. Cụ thể, sự lo âu trong sự gắn bó được nhận thức là yếu tố quan trọng trong việc giải thích ảnh hưởng của hành vi trừng phạt thể chất từ cha mẹ đến hành vi gây hấn của con cái. Kết quả này gợi ý ra việc cần thiết của các biện pháp để cải thiện hành vi trừng phạt thể chất của cha mẹ ở Việt Nam và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt là mối quan hệ giữa cha

và con cái, để giảm thiểu hành vi gây hấn của con cái. Những biện pháp này có thể tập trung vào việc thay đổi nhận thức và hành vi trong việc làm cha mẹ, đặc biệt là về hành vi trừng phạt thể chất.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện theo nhiệm vụ nghiên cứu đề tài cấp Bộ, mã số SPH 2022–SPH–12 do TS. Trần Thị Cẩm Tú làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Berkowitz L, (1993). *Aggression: Its causes, consequences, and control*. McGraw-Hill Book Company.
- [2] Neuman JH, & Baron RA, (2005). “Aggression in the Workplace: A Social-Psychological Perspective”. In S. Fox & P. E. Spector (Eds.), *Counterproductive work behavior: Investigations of actors and targets*. *American Psychological Association*, pp. 13–40.
- [3] Baumrind D, (1991). “Effective parenting during the early adolescent transition”. *Family transitions*, 2(1), 1.
- [4] Gershoff ET, (2002). “Corporal punishment by parents and associated child behaviors and experiences: a meta-analytic and theoretical review”. *Psychological bulletin*, 128(4), 539.
- [5] Van Heel M, Vu BT, Bosmans G, Petry K, Hoang DT, & Van Leeuwen K, (2019). “Parenting practices in Vietnam: An investigation of the psychometric properties of the PBS-S and PCS”. In *Child & Youth Care Forum*, 48 (1), 111-125. Springer US.
- [6] Bowlby J, (1969). *Attachment and loss* (No. 79). Random House.
- [7] Cassidy A, (2016). *A practical guide to information systems strategic planning*. CRC press.
- [8] Bosmans G, Braet C, Leeuwen KV, & Beyers W, (2006). “Do parenting behaviors predict externalizing behavior in adolescence, or is attachment the neglected 3rd factor? ”. *Journal of Youth and Adolescence*, 35, 354-364.
- [9] NTN Bé, (2019). “Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 64 (1), 126 - 136.
- [10] Durrant J, & Ensom R, (2012). “Physical punishment of children: lessons from 20 years of research”. *CMAJ*, 184(12), 1373-1377.
- [11] Gómez-Ortiz O, Romera E M, & Ortega-Ruiz R, (2016). “Parenting styles and bullying. The mediating role of parental psychological aggression and physical punishment”. *Child abuse & neglect*, 51, 132-143.
- [12] Rydstrom H, (2006). “Masculinity and punishment: Men's upbringing of boys in rural Vietnam”. *Childhood*, 13(3), 329-348.
- [13] Tran NK, Van Berkel SR, van IJendoorn MH, & Alink LR, (2021). “Child and family factors associated with child maltreatment in Vietnam”. *Journal of interpersonal violence*, 36(5-6), NP2931-NP2953.
- [14] Lansford JE, Chang L, Dodge KA, Malone PS, Oburu P, Palmérus K, ... & Quinn N, (2005). “Physical discipline and children's adjustment: Cultural normativeness as a moderator”. *Child development*, 76(6), 1234-1246.
- [15] Vu BT, Van Heel M, Finet C, Cuyvers B, Houbrechts M, Hoang TD, Duong HH, & Bosmans G, (2022). “Comparing attachment across cultures, child gender, age, and parental gender: Vietnamese versus Belgian adolescents' self-reported attachment anxiety and avoidance”. *Psychological Assessment*, 34(9), 846.
- [16] Orpinas P, & Frankowski R, (2001). “The Aggression Scale: A self-report measure of aggressive behavior for young adolescents”. *The Journal of Early Adolescence*, 21(1), 50-67.

- [17] Vu BT, Petry K, & Bosmans G, (2019). “The translation and psychometric evaluation of the Vietnamese version of the Aggression Scale”. *European Journal of Developmental Psychology*, 16(5), 611-621.
- [18] Brenning K, Van Petegem S, Vanhalst J, & Soenens B, (2014). “The psychometric qualities of a short version of the Experiences in Close Relationships Scale-Revised Child version”. *Personality and Individual Differences*, 68, 118–123.
- [19] Hayes AF, (2017). *Introduction to mediation, moderation, and conditional process analysis: A regression-based approach*. Guilford publications.
- [20] Pinquart M, (2017). “Associations of parenting dimensions and styles with externalizing problems of children and adolescents: An updated meta-analysis”. *Developmental psychology*, 53(5), 873.
- [21] Pinquart M, (2021). “Cultural differences in the association of harsh parenting with internalizing and externalizing symptoms: A meta-analysis”. *Journal of Child and Family Studies*, 30, 1-14.
- [22] Cyr M, Pasalich DS, McMahon RJ, & Spieker SJ, (2014). “The longitudinal link between parenting and child aggression: The moderating effect of attachment security”. *Child Psychiatry & Human Development*, 45, 555-564.
- [23] La TTT, Dinh HT, Phan MT, Do LT, Nguyen PT, & Nguyen QN, (2020). “Mental health among Vietnamese urban late adolescents: The association of parenting styles”. *Health Psychology Open*, 7(2), 1–9.